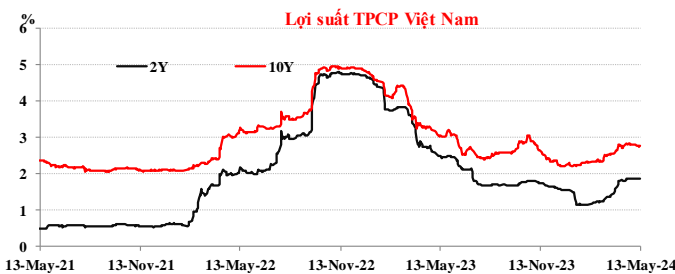

**Lãi suất LNH**
**Trái phiếu**

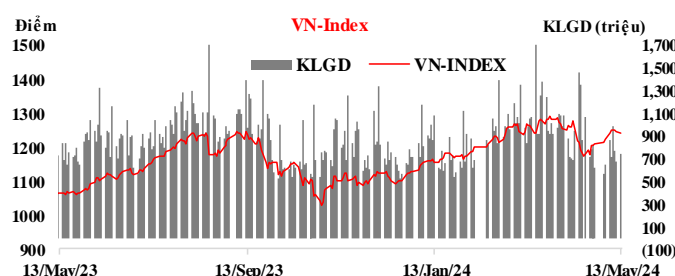
Kỳ hạn	VNĐ		USD		Kỳ hạn	Lợi suất	
	VND	D/D	USD	D/D		Lợi suất	D/D
ON	4.30	0.05	5.26	0.01	3Y	1.87	0.000
1W	4.51	0.08	5.33	0.02	5Y	2.03	0.003
2W	4.68	0.02	5.39	0.00	7Y	2.27	0.003
1M	4.80	0.00	5.41	0.00	10Y	2.75	0.006
2M	4.93	0.06	5.50	0.00	15Y	2.97	0.000
3M	4.95	0.06	5.56	-0.03			
6M	5.00	0.00	5.60	-0.04			
9M	5.04	0.00	5.66	-0.06			
1Y	5.31	-0.06	5.68	-0.07			


**Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 13/05/2024**

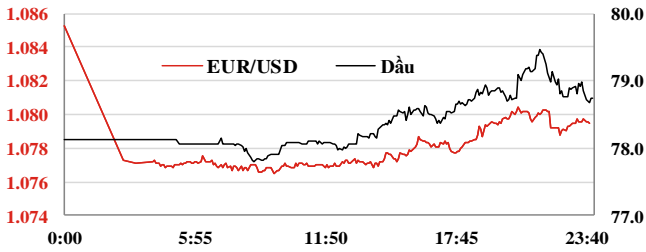
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	5,000.00	1,559.92	2,541.52	-	6,356.27
Sell Outright	-	1,500.00	2,800.00	1,300.00	67,290.00
<b>Tổng</b>				<b>318.40</b>	

**Chứng khoán ngày 13/05/2024**

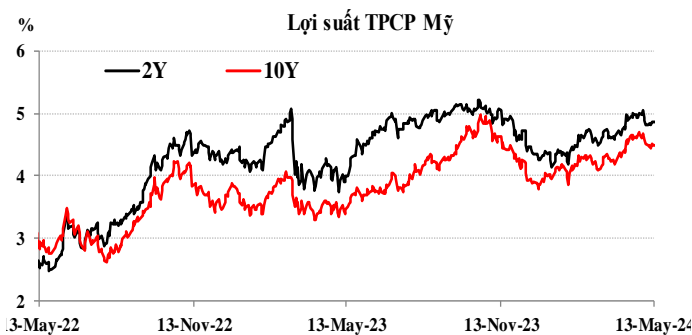
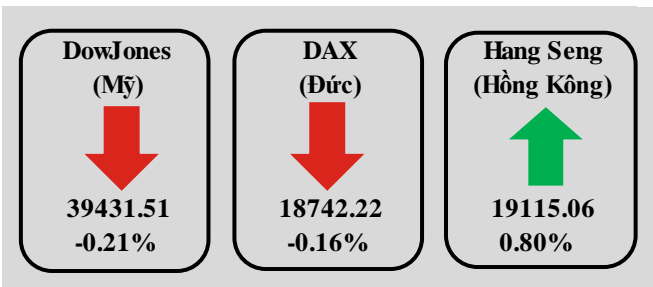
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1240.18	236.36	91.48
%/ngày	-0.36%	0.29%	-0.26%
%/29/12/2023	9.8%	2.3%	5.1%
KLGD (tr.đ.vị)	741.58	76.98	38.5
GTGD (tỷ đ)	17214.16	1559.06	574.48
NDINN mua (tỷ đ)	1001244	45.76	31.47
NDINN bán (tỷ đ)	1866440	125.76	14.05


**Tin trong nước ngày 13/05**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 13/05, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.266 VND/USD, giảm 05 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.455 VND/USD, tăng nhẹ 03 đồng so với phiên 10/05. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.670 VND/USD và 25.750 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 13/05, lãi suất chào bình quân LNH VNĐ tăng 0,02 – 0,08 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1M so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 4,30%; 1W 4,51%; 2W 4,68% và 1M 4,80%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn ON và 1W trong khi giữ nguyên ở các kỳ hạn 2W và 1M; giao dịch tại: ON 5,26%; 1W 5,33%; 2W 5,39%, 1M 5,41%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở các kỳ hạn 3Y và 15Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,87%; 5Y 2,03%; 7Y 2,27%; 10Y 2,75%; 15Y 2,97%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,25%. Có 1.559,92 tỷ đồng trúng thầu, có 2.541,52 tỷ đồng đảo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 1.500 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất giữ ở mức 3,75%, có 2.800 tỷ đồng tín phiếu đảo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 318,40 tỷ đồng ra thị trường, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường giảm xuống mức 67.290 tỷ đồng, khối lượng trên kênh cầm cố giảm xuống 6.356,27 tỷ.
- Thị trường chứng khoán:** Các chỉ số trên thị trường chứng khoán phiên hôm qua diễn biến giằng co quanh mốc tham chiếu. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 4,52 điểm (-0,36%) xuống 1.240,18 điểm; HNX-Index nhích 0,68 điểm (+0,29%) lên 236,36 điểm; UPCoM-Index mất 0,24 điểm (-0,26%) về mức 91,48 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức trung bình với giá trị giao dịch trên 19.300 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng hơn 865 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo thông tin từ Tổng cục Hải quan, cán cân thương mại hàng hóa cả nước tháng 4/2024 ước thặng dư 1,06 tỷ USD, lũy kế 4 tháng đầu năm xuất siêu 9,02 tỷ. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu tháng 4 đạt 31,05 tỷ USD, giảm 7,7% so với tháng 3; nhập khẩu đạt 29,99 tỷ USD, giảm 2,9%. Kim ngạch XK 4 tháng đầu năm đạt 123,98 tỷ USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ 2023; NK đạt 114,96 tỷ; tăng 15,1%. Tổng kim ngạch XNK 4 tháng đạt 238,94 tỷ USD, tăng 15,6% so với cùng kỳ.**



	13 May 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	105.20	-0.09%	0.14%	3.82%
USD/CNY	7.23	0.09%	0.34%	1.90%
USD/EUR	0.93	-0.18%	-0.19%	2.30%
USD/JPY	156.20	0.31%	1.51%	10.73%
USD/KRW	1366.11	-0.26%	0.83%	5.54%
USD/SGD	1.35	-0.07%	0.17%	2.59%
USD/TWD	32.40	-0.02%	0.36%	5.59%
USD/THB	36.75	0.08%	0.05%	6.99%
USD/VND Trung tâm	24266	-0.02%	0.09%	1.68%
USD/VND LNH	25455	0.01%	0.30%	4.97%
USD/VND tự do	25752	0.33%	0.28%	4.09%
Vàng	2336.05	-1.02%	0.54%	13.26%
Dầu WTI	79.12	1.10%	0.82%	10.43%



### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	12/6/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	6/6/2024
Anh	GBP	5,0%	5,25%	3/8/2023	20/6/2024
Nhật	JPY	-0,10%	0,10%	19/3/2024	14/6/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35	8/11/2023	18/6/2024

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- Theo kết quả khảo sát của Ngân hàng Quốc gia Úc NAB, niềm tin kinh doanh tháng 4 của nước này giữ ở mức 1 điểm như tháng trước đó, cho thấy điều kiện kinh doanh ở Úc tiếp tục được cải thiện.** Con số này cải thiện đáng kể từ mức -9 điểm của tháng cuối năm 2023. Trong đó, điều kiện kinh doanh giảm 2 điểm so với tháng 3, đạt +7 điểm trong tháng 4, là mức trung bình dài hạn của chỉ số này. Chỉ số việc làm giảm 5 điểm xuống mức +2 điểm, trong khi điều kiện thương mại cũng giảm 2 điểm và chỉ số lợi nhuận giữ ở mức ổn định. Đơn đặt hàng kỳ hạn cũng giảm trong tháng do những biến động lớn trong các lĩnh vực khai thác mỏ, sản xuất và xây dựng, trong khi tăng trưởng đơn hàng lĩnh vực bán lẻ và bán buôn ở mức âm. Về chi phí, giá nhân công cũng như giá mua sắm đầu vào cũng giảm trong tháng 4. Nhìn chung, các dấu hiệu cho thấy hoạt động sản xuất, dịch vụ và chi phí giảm, hỗ trợ cho quá trình triển vọng lạm phát được dần cải thiện về mức mục tiêu từ 2-3% của NHTW Úc RBA.
- Hàn Quốc điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế 2024.** Ngày 12/05, Viện Tài chính Hàn Quốc KIF dự báo kinh tế nước này tăng trưởng khoảng 2,5% trong năm 2024, tích cực hơn so với dự báo ở mức 2,1% đưa ra hồi tháng 11/2023. Nguyên nhân chính khiến dự báo có sự thay đổi là do xuất khẩu của Hàn Quốc cải thiện đáng kể, đặc biệt là các tín hiệu tích cực từ ngành bán dẫn. Cụ thể, KIF dự báo kim ngạch xuất khẩu năm nay có thể sẽ tăng tới 5,3% so 2023, hơn gấp đôi so với mức tăng chỉ 2,6% theo dự báo trước. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu tăng chậm hơn ở mức 3,7%, cũng được nâng lên từ 2,4% theo dự báo ban đầu. Mặc dù vậy, tăng trưởng tiêu dùng tư nhân được KIF dự báo chỉ tăng 1,7%, thấp hơn mức 2,0% theo dự báo trước do ảnh hưởng của môi trường lãi suất cao.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

10-05	21:00	***	Chỉ số niềm tin tiêu dùng UoM Mỹ T5	67.4	76.3	77.2
14-05	13:00	***	Thay đổi trợ cấp thất nghiệp tại Anh		13.9K	10.9K
14-05	13:00	**	Thu nhập bình quân tại Anh 3m/y T4		5.3	5.6
14-05	19:30	***	PPI lõi Mỹ mm T4		0.2	0.2
14-05	19:30	***	PPI Mỹ mm T4		0.3	0.2
14-05	21:00	***	Chủ tịch Fed Powell phát biểu			

